

1. Cấp mới giấy Chứng minh nhân dân (09 số)

Trình tự thực hiện	<p>Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bước 2: Công dân nộp hồ sơ tại Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an cấp huyện. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, đối chiếu thông tin công dân kê khai với thông tin của công dân trong Sổ hộ khẩu và các giấy tờ liên quan:</p> <p>Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, thủ tục thì tiến hành in vân tay vào tờ khai và chỉ bản, chụp ảnh chân dung của công dân, thu lệ phí theo quy định, viết giấy hẹn cho công dân.</p> <p>Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện nhưng thông tin chưa đầy đủ, chính xác thì hướng dẫn công dân điều chỉnh, bổ sung hoặc kê khai lại.</p> <p>Trường hợp không đủ điều kiện thì không tiếp nhận và trả lời bằng văn bản cho công dân, nêu rõ lý do không tiếp nhận.</p> <p>Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày lễ, tết).</p> <p>Bước 3: Trả kết quả: Từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày lễ, tết).</p>
Thành phần hồ sơ	<p>+ Thành phần hồ sơ:</p> <p>a) Sổ hộ khẩu;</p> <p>b) Ảnh chân dung;</p> <p>c) Đơn đề nghị cấp Chứng minh nhân dân (ký hiệu là CM3);</p> <p>d) Tờ khai Chứng minh nhân dân (ký hiệu là CM4);</p> <p>đ) Chỉ bản (ký hiệu là A7).</p> <p>+ Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.</p>
Mẫu tờ khai	<p>+ Đơn đề nghị cấp Chứng minh nhân dân (ký hiệu là CM3);</p> <p>+ Tờ khai Chứng minh nhân dân (ký hiệu là CM4);</p> <p>+ Chỉ bản (ký hiệu là A7).</p>
Thời hạn giải quyết	<p>+ Đối với công dân ở thành phố, thị xã không quá 07 ngày làm việc; + Đối với trường hợp công dân ở các huyện miền núi vùng cao, biên giới, hải đảo không quá 20 ngày làm việc; + Đối với công dân ở các khu vực còn lại không quá 15 ngày làm việc.</p>

Đối tượng thực hiện	Công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên, đang cư trú trên lãnh thổ Việt Nam.
Cơ quan thực hiện	Công an cấp huyện
Kết quả thực hiện thủ tục hành chính	Chứng minh nhân dân.
Lệ phí	Cấp mới: Miễn phí (không bao gồm tiền ảnh của người được cấp chứng minh nhân dân).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	<p>Đối tượng tạm thời chưa được cấp Chứng minh nhân dân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Những người đang bị tạm giam, đang thi hành án phạt tù tại trại giam; đang chấp hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc. + Những người mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh khác làm mất khả năng điều khiển hành vi của mình.
Cơ sở pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> + Nghị định số 05/1999/NĐ-CP, ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân. + Nghị định số 170/2007/NĐ-CP, ngày 19/11/2007 của Chính phủ bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP, ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân. + Nghị định số 106/2013/NĐ-CP, ngày 17/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP, ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 170/2007/NĐ-CP, ngày 19/11/2007 của Chính phủ. + Thông tư số 04/1999/TT-BCA(C13), ngày 19/4/1999 của Bộ Công an hướng dẫn chi tiết một số quy định của Nghị định số 05/1999/NĐ-CP ngày 03/02/1999 của Chính phủ về chứng minh nhân dân. + Quyết định số 998/2001/QĐ-BCA(C11), ngày 10/10/2001 của Bộ Công an về việc ban hành các biểu mẫu sử dụng trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội. + Thông tư số 02/2014/TT-BTC, ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.